

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 7 – 2025

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Xuân Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chung Thị Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến C - Văn phòng luật sư Nguyễn Tiến C; địa chỉ: Số A ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là Số A, ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ); có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Quốc G, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Chung Thị Đ trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Trần Quốc G tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bị đơn sống ích kỷ chỉ lo cho bản thân, không chăm lo cuộc sống gia đình mà lại thường xuyên cờ bạc gây nợ nần và có hành vi bạo hành vợ và các con. Cuối tháng 01/2025 nguyên đơn đã có ý định nộp đơn xin ly hôn, thời điểm đó bị đơn hứa sẽ sửa đổi nên nguyên đơn vẫn cho bị đơn cơ hội. Tuy nhiên bị đơn vẫn không thay đổi bản chất, gần đây nhất vào ngày 11/4/2025, bị đơn tiếp tục bạo hành vô cớ nguyên đơn và 02 con nhỏ. Do không thể tiếp tục chịu đựng thêm được nữa nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Quỳnh Nhã H, giới tính: nữ, sinh ngày 27/11/2017 và Trần Quỳnh Nhã U, giới tính: nữ, sinh ngày 11/12/2019. Nay ly hôn, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng vì nguyên đơn có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc G trình bày:

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thời gian, thủ tục kết hôn. Trong thời gian chung sống bản thân bị đơn luôn chăm lo làm ăn, quan tâm đến đời sống vợ con. Vừa qua, giữa hai vợ chồng có xảy ra bất đồng nhỏ thường gặp trong đời sống hôn nhân, không đến mức độ trầm trọng, hiện nay các con còn quá nhỏ cần tình thương, cũng như sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của cả cha lẫn mẹ để các bé không bị ảnh hưởng về mặt tâm lý sau này. Do đó, bị đơn không đồng ý ly hôn và mong muốn hàn gắn để vợ chồng tiếp tục chung sống, chăm lo con cái sau này.

Về con chung: Có 02 đứa con chung là Trần Quỳnh Nhã H và Trần Quỳnh Nhã U, các con đã đủ nhận thức về pháp luật, nên yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, bên không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục thường xuyên mà bên còn lại không được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: có một căn nhà cấp 4 chiều ngang 4,2m, chiều dài 28m xây dựng tại phần đất thuộc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trị giá khi

xây dựng là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý giao căn nhà cho nguyên đơn sở hữu và nguyên đơn phải có trách nhiệm trả phân nửa giá trị căn nhà cho bị đơn là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), mọi chi phí nguyên đơn phải tự chịu.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý ly hôn. Về con chung: Do hai tháng nay nguyên đơn dẫn con bỏ nhà đi không cho bị đơn liên hệ thăm gặp nên nay bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Trần Quỳnh Nhã U; đồng ý giao con chung Trần Quỳnh Nhã H cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng do cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ, bị đơn đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nhã H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung: bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị tách ra thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã bảo đảm để thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn, giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung Trần Quỳnh Nhã H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung: không xem xét; về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Chung Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con với ông Trần Quốc G. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố

tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Trần Quốc G có địa chỉ cư trú ở ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ).

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Đ và ông Trần Quốc G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì cho rằng bị đơn không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên cò bạc gây nợ nần và có hành vi bạo hành nguyên đơn và các con. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án “Bản thỏa thuận ly thân” ngày 17/02/2025, ảnh chụp dấu vết bị bạo hành của các con, chứng tỏ lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu không tổ chức hòa giải và làm đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho thấy nguyên đơn rất cương quyết ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp hiệu quả để hàn gắn hôn nhân; tại phiên tòa, bị đơn cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, có cơ sở để xác định mối quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Trần Quỳnh Nhã H, giới tính: nữ, sinh ngày 27/11/2017 và Trần Quỳnh Nhã U, giới tính: nữ, sinh ngày 11/12/2019. Hai con chung hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng, cháu Trần Quỳnh N Hân có nguyện vọng sống chung với mẹ. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi yêu cầu xin được nuôi cháu Trần

Quỳnh Nhã U. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nhã U hiện đang sống chung với mẹ và chị là Nhã H nên việc giao cháu Nhã U cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho sự ổn định tâm lý và sự phát triển toàn diện cho bé và cũng phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn Trần Quốc G, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung Trần Quỳnh Nhã H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

[6] Về tài sản chung: Bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung là một căn nhà cấp 4 chiều ngang 4,2m, chiều dài 28m xây dựng tại phần đất thuộc ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trị giá khi xây dựng là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Bị đơn đồng ý giao căn nhà cho nguyên đơn sở hữu và nguyên đơn phải có trách nhiệm trả phân nửa giá trị căn nhà cho bị đơn là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng bị đơn không thực hiện nên Tòa án không thụ lý xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn trong vụ án này. Tại phiên tòa, bị đơn cũng xác định chưa yêu cầu phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, ghi nhận cho bị đơn được quyền làm đơn yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn trong một vụ án khác nếu có tranh chấp.

[7] Về nghĩa vụ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 202, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chung Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Đ được ly hôn với ông Trần Quốc G.

2. Về con chung: Bà Chung Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Quỳnh Nhã H, giới tính: nữ, sinh ngày 27/11/2017 và Trần Quỳnh Nhã U, giới tính: nữ, sinh ngày 11/12/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc G cấp dưỡng nuôi con chung Trần Quỳnh Nhã H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nhã H đủ 18 tuổi. Ông Trần Quốc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Chung Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002016 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Chung Thị Đ không phải nộp thêm.

Bị đơn ông Trần Quốc G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thanh Ngân